

Số: 07/2018/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 39/TTr-STNMT ngày 12/01/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về việc phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở thuộc đối tượng chịu phí có lưu lượng nước thải phát sinh từ 20m³/ngày đêm trở lên.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở thuộc đối tượng chịu phí có lưu lượng nước thải phát sinh dưới 20m³/ngày đêm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thẩm định Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở được phân cấp tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này. Thông báo số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước cho người nộp phí theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ.

b) Tiến hành điều tra, thống kê, rà soát, phân loại, cập nhật, quản lý đối tượng chịu phí; đo đạc, đánh giá, lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải phục vụ cho việc thẩm định tờ khai phí, quản lý phí; kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các cơ sở có nước thải công nghiệp quy định tại Mục a, Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh phân loại đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã được phân cấp quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này, thông báo đến người nộp phí chậm nhất là ngày 10 tháng 3 hàng năm.

c) Tổng hợp số liệu hàng năm về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo đúng quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố:

a) Thông báo số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp cho các cơ sở được phân cấp tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định này, trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

b) Tiến hành điều tra, thống kê, rà soát, phân loại, cập nhật, phục vụ cho việc xác định đối tượng chịu phí, quản lý đối tượng chịu phí theo quy định tại Mục a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ. Phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh phân loại đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn để cập nhật danh sách các cơ sở chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp có phát sinh lưu lượng nước thải dưới 20m³/ngày đêm, kết quả rà soát, báo cáo UBND huyện, thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

c) Tổng hợp kết quả thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn gửi UBND huyện, thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo đúng quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ.

3. Trách nhiệm của cơ quan thuế:

Kiểm tra, đôn đốc, quyết toán việc thu, nộp, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của đơn vị cung cấp nước sạch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố.

4. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ.

5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có hoạt động xả nước thải công nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ sở).

a) Đối với các cơ sở có hoạt động xả nước thải công nghiệp lưu lượng từ $20m^3$ /ngày đêm trở lên: Hàng quý, kê khai số phí phải nộp trong vòng 05 ngày vào đầu tháng đầu tiên của quý tiếp theo nộp Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, bảo đảm tính chính xác của việc kê khai (Trừ các cơ sở sản xuất có yếu tố an ninh và bí mật quốc gia thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thì kê khai số phí phải nộp với Bộ Công an và Bộ Quốc phòng). Nộp đủ và đúng hạn số tiền phí phải nộp theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường, thời hạn nộp phí không quá 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo.

b) Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải công nghiệp trung bình trong năm tính phí dưới $20m^3$ /ngày đêm nộp phí cố định một lần cho cả năm theo thông báo của Phòng Tài nguyên và Môi trường, thời hạn nộp phí không quá 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo.

c) Đối với các cơ sở sản xuất có yếu tố an ninh và bí mật quốc gia thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thì kê khai số phí phải nộp với Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Nộp đủ và đúng hạn số tiền phí phải nộp theo thông báo của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, thời hạn nộp phí không quá 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo.

d) Phối hợp, tạo điều kiện cho tổ chức thu phí trong việc thẩm định số phí của cơ sở, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các nguồn thải.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . . .

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng